

TỜ TRÌNH
Về Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014 và Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT DOANH NGHIỆP

Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật Doanh nghiệp 2005 cho thấy Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; thúc đẩy huy động vốn, phát triển và mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp; góp phần gia tăng tốc độ tăng trưởng và giải quyết các vấn đề xã hội. Tuy vậy, thực tế cũng cho thấy, việc triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp trong hơn 8 năm qua cũng đã gặp phải không ít vướng mắc, hạn chế đối với hoàn thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nói chung và phát triển doanh nghiệp nói riêng. Trên thực tế, có ba nhóm vấn đề phát sinh. Một là nhóm các vấn đề phát sinh do những khiếm khuyết trong nội dung của Luật Doanh nghiệp; hai là nhóm các vấn đề do tổ chức triển khai thực hiện luật, và cuối cùng là các vấn đề do sự chưa tương thích, chòng chèo giữa Luật Doanh nghiệp và một số luật có liên quan (Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán và một số luật chuyên ngành khác). Việc sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề thuộc nhóm thứ nhất nói trên.

1. Khái quát những khiếm khuyết về nội dung của Luật Doanh nghiệp.

Rà soát, đánh giá Luật Doanh nghiệp đã phát hiện một số khiếm khuyết trong nội dung của Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

- Nội dung một số điều khoản chưa đủ rõ ràng và cụ thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tế; tạo ra sự thiếu nhất quán và công bằng khi áp dụng.

- Một số điều khoản chưa hợp lý hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; hoặc đã chứng tỏ là thiếu tính khả thi, gây cản trở và làm tăng thêm chi phí

tuân thủ đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp; hoặc không đạt được mục tiêu cụ thể đã định, nhất là mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích của người góp vốn.

- Một số điều khoản chưa tương thích với thông lệ quốc tế tốt, chưa phù hợp với yêu cầu và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Cuối cùng, Luật Doanh nghiệp chưa quy định một số vấn đề mà thực tiễn cho là cần thiết phải thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Đó là những vấn đề đặc thù trong quản trị doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp xã hội.

2. Những vấn đề bất cập cụ thể của Luật Doanh nghiệp cần sửa đổi, bổ sung.

a) Về thành lập doanh nghiệp

Thủ tục thành lập doanh nghiệp hiện nay ở nước ta đã được cải thiện nhiều và cơ bản so với trước đây¹. Tuy vậy, vẫn còn một số vấn đề cần được xem xét, tiếp tục cải cách. Đó là:

- So sánh quốc tế và khu vực, thủ tục thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh ở nước ta vẫn còn phức tạp, tốn kém về thời gian và chi phí. Theo cách tính của Ngân hàng thế giới năm 2013, thủ tục khởi sự kinh doanh ở nước ta gồm 10 bước với tổng thời gian vào khoảng 34 ngày và được xếp hạng thứ 109 trên 189 quốc gia và nền kinh tế². Vì vậy, yêu cầu tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm số hồ sơ và thủ tục, giảm thời gian và chi phí để nâng cao mức xếp hạng về năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh là đòi hỏi cấp thiết.

- Còn có sự khác biệt không cần thiết về thủ tục thành lập doanh nghiệp, mua cổ phần, phần vốn góp, thủ tục mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm trụ sở chính, chuyển nhượng vốn,... giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các thủ tục nói trên áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phức tạp hơn, khó khăn và tốn kém hơn nhiều so với doanh nghiệp trong nước.

- Chưa tách biệt rõ giữa yêu cầu thành lập doanh nghiệp và yêu cầu về điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Luật đã yêu cầu phải có một số điều kiện kinh doanh như bản sao chứng chỉ hành nghề của người quản lý và xác nhận về vốn pháp định tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp. Quy định nói trên đã tỏ ra không hợp lý, không có hiệu lực quản lý nhà nước,

¹ Tại thời điểm hiện nay, thủ tục thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2005 đã được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là dễ dàng hơn nhiều so với trước đây và so với các thủ tục hành chính khác.

² Xem phân tích chi tiết trong Báo cáo đánh giá dự báo tác động của dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

nhưng lại gây ra khó khăn, tốn kém không cần thiết cho nhà đầu tư và thành lập doanh nghiệp mới.

- Cách thức và yêu cầu đăng ký ngành nghề đăng ký kinh doanh theo mã ngành kinh tế quốc dân là chưa thật hợp lý, chưa đảm bảo nguyên tắc “doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm, hoặc không hạn chế”, gây thêm phiền hà, tăng thêm rủi ro, chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

b) Về vốn doanh nghiệp, góp vốn, tăng vốn

- Các khái niệm về vốn công ty, đặc biệt đối với công ty cổ phần chưa đủ rõ ràng, chưa thật chặt chẽ và có sự chưa thống nhất giữa quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, gây khó khăn, không thống nhất trong thực hiện; dễ bị lạm dụng, gây nhầm lẫn cho các bên có liên quan.

- Quy định về tiến độ có thể kéo dài đến 3 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn đã không đạt được mục tiêu dự kiến mà còn gây ra tác động không mong muốn như: nhầm lẫn về vốn điều lệ, cơ cấu sở hữu thực tế. Qua đó, đã làm phát sinh các mâu thuẫn, tranh chấp không đáng có trong nội bộ công ty có liên quan.³

- Chưa có quy định đầy đủ, cụ thể về chào bán cổ phần riêng lẻ đối với công ty cổ phần, gây khó khăn, thậm chí cản trở việc huy động thêm vốn, mở rộng kinh doanh của không ít công ty cổ phần.

c) Về mô hình tổ chức quản trị doanh nghiệp

Thông lệ quốc tế cho thấy hiện nay có 2 mô hình quản trị công ty cổ phần, gồm mô hình đơn hội đồng (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc) và mô hình đa hội đồng (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc, Tổng giám đốc). Thực tế cho thấy áp dụng duy nhất mô hình quản trị đa hội đồng như hiện nay không còn phù hợp thực tế đa dạng của doanh nghiệp về quy mô, tính chất sở hữu và sự đa dạng của cách thức quản trị công ty. Trên thế giới, nhiều nước cho phép công ty cổ phần được tùy ý lựa chọn áp dụng một trong hai mô hình quản trị nói trên.

d) Về trình tự, thủ tục ra quyết định trong doanh nghiệp

- Một số quy định của Luật doanh nghiệp 2005 về trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định trong công ty đã không còn phù hợp, tỏ ra lạc hậu so

³ Mục tiêu của quy định cho phép thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn được góp vốn theo tiến độ và phải góp đủ trong thời hạn tối đa 3 năm là nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư sử dụng vốn một cách có hiệu quả, phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư. Tuy nhiên, thủ tục tăng vốn, bổ sung thêm vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn là dễ dàng và thuận lợi; vì vậy, không nhất thiết phải có các quy định về kéo dài thời hạn góp vốn. Riêng đối với công ty cổ phần, Luật doanh nghiệp 2005 đã yêu cầu các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

với sự phát triển của công nghệ thông tin, nhất là khi có mạng Internet; chưa thực sự tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ trong quản trị công ty. Một số quy định khác như yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên tới 3 lần trong một số trường hợp gây chậm trễ và tốn kém trong việc ra các quyết định kinh doanh cần thiết.

- Quy định bắt buộc áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty cổ phần tuy ở mức độ nhất định đã góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số, nhưng lại gây ra sự thiếu kết dính trong hội đồng quản trị; làm cho việc ra quyết định trong một số trường hợp kéo dài, tốn kém, thậm chí không thông qua được.

- Quy định các tỷ lệ số phiếu bắt buộc tối thiểu phải có để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần chưa đạt được mục tiêu là bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số, mà còn tạo ra sự cứng nhắc, tốn kém quá mức về thời gian và tiền bạc trong tổ chức họp và ra các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nhất là các công ty đại chúng; gây bất lợi cho công ty và cổ đông của công ty nói chung.

e) Về bảo vệ cổ đông

- Tuy đã có những nỗ lực lớn về hoàn thiện chính sách, luật pháp liên quan, nhưng mức độ bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư ở nước ta vẫn liên tục bị xếp hạng rất thấp so với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, mức độ bảo vệ nhà đầu tư ở nước ta được xếp thứ 160 trong 189 quốc gia, nền kinh tế.⁴ Đối với Luật doanh nghiệp, một số quy định liên quan chưa tạo thuận lợi cho cổ đông, thành viên công ty thực hiện quyền khởi kiện người quản lý trong trường hợp cần thiết; trình tự, thủ tục khởi kiện còn phức tạp, kéo dài, tốn kém.

g) Tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp

Quy định về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005 có một số hạn chế sau đây:

- Quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp chỉ áp dụng cho doanh nghiệp cùng loại đã chứng tỏ là không còn phù hợp với thực tế;⁵ đang hạn chế, cản trở việc thay đổi hoặc mở rộng kinh doanh theo cách thức sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp.

- Luật Doanh nghiệp 2005 mới chỉ quy định chung về hồ sơ, thủ tục khi đăng ký kinh doanh các doanh nghiệp sau khi chia, tách, hợp nhất và sáp nhập; chưa xác định rõ các phương thức sáp nhập, hợp nhất; chưa có hướng dẫn chi tiết, cụ thể về đăng ký doanh nghiệp sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập như thay đổi về vốn điều lệ hay thay đổi thành viên, cổ đông, ... Bất cập

⁴ Báo cáo kinh doanh 2014 của Ngân hàng thế giới

⁵ Công ty cùng loại là các công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn không được coi là cùng loại.

này đã dẫn đến lúng túng, chậm trễ và khó khăn cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục liên quan.

- Các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 về giải thể chỉ phù hợp đối với trường hợp giải thể tự nguyện; khó áp dụng trong trường hợp giải thể “bắt buộc” do bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc theo quyết định của tòa án; chưa quy định cách thức xử lý hợp lý doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và không làm thủ tục giải thể.

h) Về công khai và minh bạch hóa thông tin

Yêu cầu công khai và minh bạch hoá thông tin đối với doanh nghiệp nói chung còn yếu, nhất là đối với các công ty cổ phần chưa đại chúng và doanh nghiệp nhà nước. Các yêu cầu về công khai hoá thông tin chưa thật đầy đủ và tương thích với thông lệ quốc tế tốt; chưa có cơ chế kiểm tra và giám sát một cách hiệu quả chất lượng của các thông tin được công bố.

i) Về doanh nghiệp nhà nước

Một trong số các mục tiêu hàng đầu của Luật Doanh nghiệp 2005 là tạo lập khung khổ pháp lý áp dụng thống nhất khung quản trị theo loại hình doanh nghiệp không phân biệt nguồn gốc sở hữu và đồng thời đổi mới cơ chế quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường và thông lệ quốc tế.⁶ Tuy vậy, việc triển khai áp dụng các nguyên tắc mới về quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ. Thực tế nói trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là những vấn đề đặc thù trong quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa được quy định hoặc quy định chưa rõ ràng trong Luật Doanh nghiệp. Cụ thể là:

- Chưa quy định về mục đích hoạt động và giới hạn phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phù hợp với vai trò, chức năng của nhà nước nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng.

- Chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Chính phủ nói chung trong vai trò đại diện chủ sở hữu theo ủy quyền của Quốc hội.

- Chưa quy định cụ thể thẩm quyền, cách thức xác định mục tiêu, chỉ tiêu đối với từng doanh nghiệp cụ thể; chưa xác định cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước, v.v...

- Chưa quy định đặc thù trong tổ chức, hoạt động và quy trình ra quyết định đối với hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước và mối quan hệ giữa cơ quan chủ sở hữu nhà nước và người trực tiếp đại diện quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, v.v...

⁶ Điều 168 Luật Doanh nghiệp quy định 5 nguyên tắc chung của cơ chế quản trị mới đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Chưa quy định yêu cầu tách chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu với chức năng quản lý hành chính và các chức năng khác của nhà nước trong thực hiện quyền chủ sở hữu và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Chưa có quy định về giám sát, đánh giá trong hệ thống đại diện chủ sở hữu: Quốc hội đối với Chính phủ, Chính phủ đối với cơ quan (hay các cơ quan chủ sở hữu), cơ quan chủ sở hữu đối với người đại diện trực tiếp thực hiện quyền chủ sở hữu; nhất là chưa quy định về giám sát, đánh giá trực tiếp, chủ động và thường xuyên của cơ quan chủ sở hữu đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp. Khiếm khuyết nói trên đã góp phần làm cho giám sát, đánh giá nội bộ của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp trở nên lỏng lẻo và kém hiệu lực.

- Quy định yêu cầu doanh nghiệp nhà nước công khai hóa và minh bạch hóa tương tự như đối với các doanh nghiệp khác cùng loại cũng đã chứng tỏ chưa phù hợp cả về lý luận và thực tiễn. Công khai hóa và minh bạch hóa thông tin “dưới chuẩn” đã không phát huy được tác động tích cực của giám sát bên ngoài, giám sát của thị trường, của các nhà đầu tư, khách hàng, đặc biệt là của nhân dân đối với doanh nghiệp nhà nước và cách thức, hiệu quả thực hiện quyền chủ sở hữu của nhà nước tại doanh nghiệp.

- V.v....

k) Về doanh nghiệp xã hội

Tương tự như nhiều nước khác trong khu vực và thế giới⁷, trong thời gian gần đây ở nước ta số doanh nghiệp xã hội (DNXH) đã ngày càng gia tăng và hoạt động trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề của nền kinh tế. Đây là doanh nghiệp mà lợi nhuận thu được chủ yếu dùng để tái đầu tư giải quyết vấn đề xã hội hoặc môi trường. Theo điều tra sơ bộ tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hiện có khoảng vài trăm DNXH hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo nghề, chăm sóc các nhóm người yếu thế, giải quyết các vấn đề môi trường, bảo vệ môi trường và xóa đói, giảm nghèo, v.v....

Khảo sát thực tế và tham vấn chính sách cho thấy chủ sở hữu, người quản lý và các bên có liên quan đều mong muốn DNXH được quy định và thừa nhận về mặt pháp lý; qua đó, có thể có những chính sách phù hợp tạo thuận lợi và thúc đẩy phát triển DNXH ở nước ta. Mong muốn nói trên là chính đáng; vì nếu được như vậy, DNXH ở nước ta sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển để trở thành lực lượng bổ sung cho Nhà nước, đồng hành

⁷ DNXH đã và đang trở thành phong trào phát triển mạnh mẽ ở nhiều nước như Anh, Mỹ, Ấn Độ Thái Lan, Singapore, Indonesia... Ở Anh năm 2011 số lượng DNXH đã lên tới 55.000 doanh nghiệp, đạt 27 tỷ bảng doanh thu, đóng góp 8,4 tỷ bảng/năm cho GDP, sử dụng 475.000 lao động, chiếm 5% tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp. Các DNXH đã chứng tỏ được thế mạnh của mình trong việc khai thác các sáng kiến xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội và môi trường tiềm tàng, tăng cường tính bền vững của các giải pháp xã hội thông qua các nguyên tắc và động lực thị trường.

cũng nhà nước trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường của đất nước.

Tóm lại, phân tích thực tế bất cập của Luật doanh nghiệp như trình bày trên đã cho thấy nhu cầu thực tế cần thiết phải sửa đổi Luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; để thực hiện kết quả Chương trình cải cách thủ tục hành chính và chủ trương cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tăng cường thu hút mọi nguồn lực vào đầu tư phát triển kinh tế.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁCH THỨC SỬA ĐỔI LUẬT

1. Mục tiêu sửa đổi

Mục tiêu cao nhất của sửa đổi Luật Doanh nghiệp là làm cho doanh nghiệp trở thành một công cụ kinh doanh rẻ hơn, an toàn hơn và hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư; qua đó tăng cường thu hút và huy động hơn nữa mọi nguồn lực và vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Các mục tiêu cụ thể mà dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm đạt được bao gồm:

- Tạo thuận lợi hơn cho hoạt động thành lập doanh nghiệp; đối xử bình đẳng về thủ tục giữa các nhà đầu tư: trong nước & nước ngoài.

- Tạo thuận lợi hơn, giảm chi phí cho tổ chức quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại doanh nghiệp.

- Bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông, thành viên của doanh nghiệp.

- Tạo thuận lợi hơn và ít tốn kém hơn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư rút lui khỏi thị trường.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

2. Các nguyên tắc và cách thức sửa đổi

Một là, kế thừa, tiếp tục phát huy kết quả và tác động tốt của các cải cách trong Luật Doanh nghiệp 2000 và Luật Doanh nghiệp 2005, bao gồm:

- Tiếp tục hiện thực hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế.

- Tạo thuận lợi hơn cho các hoạt động: góp vốn thành lập doanh nghiệp; tổ chức quản lý doanh nghiệp; chuyển nhượng vốn và rút khỏi thị trường của doanh nghiệp.

Hai là, khắc phục các hạn chế, bất cập của Luật Doanh nghiệp; tập trung vào các nội dung như đã trình bày phần trên.

Ba là, thể chế hóa vấn đề mới phát sinh. Thừa nhận chính thức sự tồn tại về mặt pháp lý của doanh nghiệp xã hội; đồng thời thúc đẩy sự phát triển loại hình doanh nghiệp này như một phương thức mới giải quyết vấn đề xã hội.

III. NHỮNG THAY ĐỔI, BỔ SUNG CHỦ YẾU

Với mục tiêu tiếp tục tạo thuận lợi, giảm chi phí và đảm bảo tính nhanh nhạy cho doanh nghiệp trong thành lập, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi và bổ sung những nội dung cơ bản sau đây so với Luật Doanh nghiệp 2005.⁸

1. Cấu trúc của Luật

Dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) bao gồm 10 chương và 229 điều. So sánh với Luật doanh nghiệp 2005 thì về cơ bản, cấu trúc của Luật doanh nghiệp vẫn giữ nguyên các chương; tăng thêm một Chương VII về doanh nghiệp nhà nước. Về số lượng điều khoản, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tăng 57 điều mới; có 130 điều được sửa đổi, bổ sung; có 41 điều được giữ nguyên; bãi bỏ 5 điều.

Cơ cấu của dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung.

Chương II: Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Chương III: Công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Mục I: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Mục II: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chương IV: Công ty cổ phần

Chương V: Công ty hợp danh

Chương VI: Doanh nghiệp tư nhân

Chương VII: Doanh nghiệp nhà nước (chương bổ sung mới)

- Mục I: Những vấn đề chung

- Mục II: Tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu

- Mục III: Công bố thông tin

Chương VIII: Nhóm công ty

Chương IX: Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp

Chương X: Tổ chức thực hiện

1. Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến 18)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi cơ bản 2 Điều (các Điều 3 và 4) và bổ sung thêm 5 Điều mới (các Điều 11, 12, 13, 16, 17 và 18).

⁸ Những sửa đổi, bổ sung cụ thể đã được trình bày chi tiết trong Bản thuyết minh chi tiết nội dung dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) gửi kèm theo Tờ trình này.

Các nội dung sửa đổi

- Sửa đổi và bổ sung nhằm làm rõ ràng hơn nội dung giải thích nhiều từ ngữ, trong đó có định nghĩa rõ khái niệm “nhà đầu tư nước ngoài” (Khoản 29 điều 4 Dự thảo Luật). Theo dự thảo Luật, doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam được coi là nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp sau: (i) Một hoặc các thành viên, cổ đông là người nước ngoài sở hữu từ 51% cổ phần phổ thông hoặc vốn điều lệ trở lên đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, (ii) trên 50% số thành viên hợp danh là người nước ngoài đối với công ty hợp danh và (iii) chủ doanh nghiệp tư nhân là người nước ngoài.

Các nội dung bổ sung

- Xác định rõ địa vị pháp lý, vai trò và bổn phận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được xác định rõ là cá nhân và là người đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn trước tòa án (Điều 16 dự thảo Luật).

- Bổ sung khái niệm doanh nghiệp xã hội để luật hóa sự tồn tại nhằm thúc đẩy sự phát triển loại hình doanh nghiệp này như một phương thức mới giải quyết vấn đề xã hội. Theo dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động nhằm giải quyết một hoặc một số vấn đề xã hội và môi trường; phần lớn lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp được sử dụng để tái đầu tư nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường đã đăng ký (Điều 13 dự thảo Luật).

2. Chương II: Thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp (từ Điều 19 đến 47)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 15 Điều (các Điều: 21, 22, 24, 25, 26, 27, 31, 32, 34, 35, 38, 39, 41, 43, 45) và bổ sung thêm 5 Điều mới (các Điều: 20, 33, 36, 42 và 47) và bãi bỏ một Điều (Điều 20 Luật doanh nghiệp 2005).

Các nội dung sửa đổi

- Tách bạch giữa thành lập doanh nghiệp và giấy phép kinh doanh, điều kiện kinh doanh theo hướng bãi bỏ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, như: yêu cầu về chứng chỉ hành nghề, xác nhận vốn pháp định, v.v... (các Điều 25, 26, 27 dự thảo Luật)

- Tiếp tục đơn giản hóa yêu cầu hồ sơ và hài hòa hóa thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, như: bãi bỏ hồ sơ không cần thiết, đơn giản hóa nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, kết hợp đồng thời thủ tục đăng ký kinh doanh với thủ tục về thuế, đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội, v.v... (các điều 22, 31 dự thảo Luật).

Các nội dung bổ sung

- Áp dụng thống nhất các thủ tục của Luật Doanh nghiệp về thành lập doanh nghiệp, mua cổ phần, phần vốn góp đối với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (bãi bỏ Điều 20 Luật Doanh nghiệp 2005)

- Xác định rõ quyền thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo nguyên tắc không hạn chế tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam trừ trường hợp bị hạn chế theo pháp luật chuyên ngành và cam kết quốc tế (Điều 20 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định hướng dẫn thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp một cách rõ ràng hơn và chuyển từ đăng ký sang thủ tục thông báo (Điều 33 dự thảo Luật).

3. Chương III, mục 1: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (từ điều 48 đến 73)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 11 Điều (các Điều: 49, 50, 51, 54, 57, 60, 61, 62, 63, 66, 71) và bổ sung thêm 2 Điều mới (các Điều: 64, 73).

Các nội dung sửa đổi

- Rút ngắn thời hạn thành viên phải thanh toán đủ phần vốn góp khi thành lập công ty tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bằng thời hạn thanh toán mua cổ phần của công ty cổ phần (Điều 49 dự thảo Luật).⁹

- Cho phép công ty linh hoạt hơn trong quy định trình tự, thủ tục triệu tập họp Hội đồng thành viên trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành họp (Điều 60 dự thảo Luật).

- Thừa nhận giá trị pháp lý của cuộc họp Hội đồng thành viên dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác (Điều 61 dự thảo Luật).

- Giảm yêu cầu về tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định Hội đồng thành viên xuống 51% đối với quyết định thông thường và 65% đối với quyết định “đặc biệt” (Điều 61 dự thảo Luật).

Nội dung bổ sung

Hai điều 64 và 73 được bổ sung mới trong dự thảo Luật Doanh nghiệp về cơ bản là “luật hóa” nội dung về hiệu lực quyết định của công ty và khởi kiện người quản lý đã được quy định tương ứng trong Nghị định 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

⁹ Luật doanh nghiệp 2005 quy định thời hạn này là 3 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chương III, mục 2: Công ty TNHH 1 thành viên (từ Điều 74 đến 88)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 11 Điều (các Điều: 77, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88) và bổ sung thêm 2 Điều mới (các Điều: 75, 78).

Các nội dung sửa đổi

- Quy định rõ thời hạn thanh toán đủ vốn điều lệ khi thành lập công ty là 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tương tự như quy định đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên (Điều 75 dự thảo Luật).

- Quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền của kiểm soát viên, như tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên và cuộc họp khác của công ty (Điều 83 dự thảo Luật).

- Bãi bỏ yêu cầu đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp trong trường hợp công ty kết nạp thêm thành viên (Điều 88 dự thảo Luật).

Các nội dung bổ sung

- Quy định rõ nguyên tắc thực hiện quyền chủ sở hữu trong một số trường hợp đặc biệt như chủ sở hữu: chết, mất tích, bị kết án tù, giải thể hoặc phá sản (Điều 78 dự thảo Luật).

5. Chương IV: Công ty cổ phần (từ Điều 89 đến 151)

Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 32 Điều (các Điều: 94, 98, 100, 103, 105, 106, 110, 111, 113, 115, 116, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 139, 142, 143, 144, 145, 146, 151) và bổ sung thêm 8 Điều mới (các Điều: 90, 91, 101, 102, 104, 127, 128, 141).

Các nội dung sửa đổi

- Bổ sung thêm mô hình quản trị doanh nghiệp theo mô hình quản trị đơn hội đồng đối với công ty cổ phần để phù hợp với thực tiễn tốt của quốc tế và tăng thêm lựa chọn cho nhà đầu tư. Theo dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), công ty cổ phần có thể lựa chọn áp dụng mô hình quản trị đơn hội đồng hoặc đa hội đồng (Điều 113, 130 dự thảo Luật).

- Mở rộng nội dung cho phép công ty quy định nguyên tắc quản trị doanh nghiệp cụ thể hơn, chi tiết hơn so với Luật Doanh nghiệp 2005 hoặc chỉ áp dụng quy định của luật nếu điều lệ không có quy định khác, như áp dụng nguyên tắc bầu đôn phiếu, trình tự, thủ tục triệu tập họp, cách thức biểu quyết tại cuộc họp, v.v...

- Thừa nhận giá trị pháp lý của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác (Điều 119, 133 dự thảo Luật).

- Giảm yêu cầu về tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông xuống 51% đối với quyết định thông thường và 65% đối với quyết định “đặc biệt” (điều 123 dự thảo Luật). Tỷ lệ tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 là 65% và 75%.

- Bổ sung quy định nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Ví dụ: quy định chi tiết hơn về bổn phận người quản lý công ty, tạo thuận lợi hơn cho cổ đông theo dõi, giám sát và khởi kiện người quản lý khi cần thiết (Điều 139, 140, 141 dự thảo Luật).

- Quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền của Ban kiểm soát, như tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên và cuộc họp khác của công ty; nhiệm vụ đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty (Điều 145 dự thảo Luật).

- Bổ sung yêu cầu công khai hóa thông tin kịp thời và đầy đủ đối với công ty cổ phần để tương thích với thông lệ quốc tế tốt, như: điều lệ doanh nghiệp, danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông nước ngoài (Điều 151 dự thảo Luật). Nội dung sửa đổi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đặc biệt tạo thuận lợi cho các bên có liên quan tiếp cận thông tin về doanh nghiệp và theo dõi, giám sát doanh nghiệp.

Các nội dung bổ sung

- Sửa đổi quy định về vốn công ty cổ phần theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất các khái niệm về vốn công ty cổ phần. Có 2 khái niệm cơ bản về vốn công ty cổ phần: cổ phần được quyền phát hành và cổ phần đã phát hành (Điều 91 dự thảo Luật). Cổ phần được quyền phát hành của công ty cổ phần là tổng số cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ phát hành để huy động vốn. Cổ phần đã phát hành là số cổ phần được quyền phát hành mà đã được các cổ đông đã thanh toán đủ cho công ty. Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành là vốn điều lệ công ty cổ phần (Điều 90 dự thảo Luật).

- Xác định rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong yêu cầu cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 91 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định về phát hành cổ phần riêng lẻ đối với công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng một cách hợp lý, đơn giản so với quy định hiện hành (Điều 102 dự thảo Luật).

6. Chương VI: Doanh nghiệp tư nhân (từ điều 163 đến 167)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 2 Điều là Điều 163 và 166 dự thảo Luật. Nội dung sửa đổi cơ bản là xác định rõ hạn chế đối với chủ doanh nghiệp tư nhân: không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn

thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần (Điều 163 dự thảo Luật).

7. Chương VII: Doanh nghiệp nhà nước (từ điều 169 đến 200)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) bổ sung thêm Chương VII về doanh nghiệp nhà nước. Chương này bao gồm 31 điều khoản, được chia thành 3 mục với nội dung cụ thể như sau.

Mục I bao gồm 6 Điều, từ Điều 169 đến 175, quy định về nội dung cơ bản sau:

- Xác định rõ vai trò và sứ mệnh của khu vực doanh nghiệp nhà nước và từng doanh nghiệp nhà nước (Điều 170 dự thảo Luật).

- Xác định nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước trong doanh nghiệp (Điều 171 dự thảo Luật).

- Quy định cụ thể về tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu vốn nhà nước trong doanh nghiệp theo các nguyên tắc: (i) tách biệt việc thực hiện các quyền chủ sở hữu với các chức năng khác của Chính phủ, (ii) thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu một cách độc lập và chuyên trách, tập trung và thống nhất; mỗi doanh nghiệp có một cơ quan đại diện chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Quốc hội trong việc thực hiện các quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp đó, và (iii) không can thiệp và áp đặt mệnh lệnh hành chính vào hoạt động kinh doanh; đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (từ Điều 172 đến 175 dự thảo Luật).

Mục II bao gồm 18 Điều, từ Điều 176 đến 194. Mục này quy định về nguyên tắc quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên. Mục này bao gồm quy định “đặc thù”, cần có quy định chi tiết hơn hoặc chặt chẽ hơn (so với quy định tương ứng trong mục II chương III về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) các nguyên tắc quản trị trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chủ sở hữu là nhà nước, ví dụ như: quy định về tiêu chuẩn về điều kiện người quản lý, thành viên ban kiểm soát, v.v...

Mục III bao gồm 5 Điều, từ Điều 195 đến 200. Mục này quy định về yêu cầu công khai hóa thông tin đối với doanh nghiệp có sở hữu vốn nhà nước theo thông lệ quốc tế tốt về quản trị doanh nghiệp nhà nước và khắc phục bất cập hiện nay; theo đó doanh nghiệp nhà nước sẽ phải công khai hóa thông tin một cách định kỳ và bất thường.

8. Chương VIII: Nhóm công ty (từ Điều 201 đến 207)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 2 Điều (các Điều: 201, 205) và bổ sung thêm 3 Điều mới (các Điều: 202, 206, 207).

Các nội dung sửa đổi

- Xác định rõ ràng hơn khái niệm Tập đoàn kinh tế (Điều 201 dự thảo Luật). Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung bổ sung

- Bổ sung quy định về nhóm công ty mẹ - công ty con; cấm các công ty con trong cùng một nhóm công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau, không được cùng nhau góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật này (Điều 202 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định nhằm làm rõ hơn cơ cấu và mối quan hệ giữa các công ty trong tập đoàn và yêu cầu minh bạch hơn đối với Tập đoàn kinh tế (Điều 205, 206, 207 dự thảo Luật).

9. Chương IX: Tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp (từ Điều 208 đến 223)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 9 Điều (các Điều: 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 218) và bổ sung thêm 3 Điều mới (các Điều: 219, 220, 222).

Các nội dung sửa đổi

- Mở rộng đối tượng được quyền hợp nhất, sáp nhập, chia, tách công ty. Cho phép các công ty có cùng bản chất (có thể khác loại hình thức tổ chức) có thể hợp nhất, sáp nhập, chia, tách (các Điều 208, 209, 210 và 211 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục về phương thức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp và đăng ký lại doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách (các Điều 208, 209, 210 và 211 dự thảo Luật).

- Quy định rõ hơn và hợp lý hơn trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp; thống nhất một đầu mối trong giải quyết thủ tục giải thể doanh nghiệp. Trình tự giải thể được quy định theo các bước: (i) quyết định giải thể, (ii) công bố tình trạng doanh nghiệp đang giải thể, (iii) yêu cầu xóa tên doanh nghiệp (Điều 218 dự thảo Luật).

Các nội dung bổ sung

- Bổ sung quy định hướng dẫn giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của tòa án (Điều 219 dự thảo Luật).

10. Chương X. Tổ chức thực hiện (từ Điều 224 đến 229)

Xét về bản chất, toàn bộ quy định trong dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã thể hiện nội dung quản lý nhà nước đối với các hoạt động thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp. Do đó, nội dung

chương IX về quản lý nhà nước và chương X về điều khoản thi hành của Luật doanh nghiệp 2005 đã được nhập lại thành chương X về Tổ chức thực hiện để phù hợp hơn với nội dung chương này.

Thay đổi quan trọng nhất trong chương này thu hẹp các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chỉ áp dụng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp thật cần thiết, buộc doanh nghiệp phải chấm dứt toàn bộ hoạt động (Điều 228 dự thảo Luật).

Ngoài ra, dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bãi bỏ các điều 161, 166, 167 và 168 Luật doanh nghiệp 2005 về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật doanh nghiệp, do không còn phù hợp.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Quá trình tham vấn ý kiến cho thấy đã có sự nhất trí cao của các bộ, cơ quan nhà nước có liên quan, của cộng đồng doanh nghiệp và các bên có quan tâm khác về hầu hết các nội dung bổ sung, sửa đổi như trình bày trên đây. Tuy vậy, vẫn còn một số vấn đề còn ý kiến khác nhau và xin ý kiến quyết định của Chính phủ sau đây.

1. Về việc ghi và mã hóa ngành nghề khi đăng ký doanh nghiệp.

Về yêu cầu đăng ký và ghi ngành nghề trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hiện có hai loại ý kiến như sau:

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) không yêu cầu ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, thì người thành lập doanh nghiệp chủ động ghi ngành nghề kinh doanh dự kiến kinh doanh sau khi doanh nghiệp được thành lập.

Phương án như quy định trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) phù hợp với thông lệ quốc tế tốt ở nhiều nước. Phương án này sẽ là một bước đột phá mạnh mẽ trong hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp như quy định của Hiến pháp mới được bổ sung, sửa đổi. Ngoài ra, hiệu lực quản lý nhà nước vẫn được đảm bảo do đã có những đổi mới tương ứng về nội dung và phương thức quản lý nhà nước đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi); cụ thể khoản 1, 2 và 4 điều 7 quy định:

“1. Doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng ký và kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh và nghị định không cấm (khoản 1 điều 7 dự thảo Luật.

2. Đối với ngành, nghề mà luật, pháp lệnh, nghị định chuyên ngành có liên quan quy định phải có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi có đủ điều kiện theo quy định.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tập hợp, công bố và cập nhật danh mục các ngành, nghề kinh doanh bị cấm,

ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện kinh doanh tương ứng do luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.”

Ý kiến khác cho rằng rằng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Ý kiến này cho rằng việc ghi ngành nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước và đồng thời giúp doanh nghiệp nhận thức được rằng để kinh doanh hợp pháp các ngành, nghề đó, họ phải có đủ điều kiện theo quy định.

2. Doanh nghiệp nhà nước

Liên quan đến doanh nghiệp nhà nước, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung thêm Chương VII về doanh nghiệp nhà nước. Như trình bày phân trên, nội dung chương này không quy định doanh nghiệp nhà nước như một hình thức pháp lý mới về tổ chức kinh doanh mà tập chung quy định vấn đề quản trị đặc thù hoặc bổ sung thêm (so với nội dung tương ứng về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) đối với doanh nghiệp có sở hữu 100% vốn nhà nước.

Ý kiến khác cho rằng không nên có thêm chương về doanh nghiệp nhà nước trong Luật Doanh nghiệp. Đề xuất này dựa trên quan điểm cho rằng Luật doanh nghiệp quy định về loại hình pháp lý của doanh nghiệp, không phân biệt tính chất sở hữu và thành phần kinh tế. Do vậy, bổ sung thêm một chương về doanh nghiệp nhà nước sẽ làm sai lệch kết cấu, bản chất và chức năng vốn có của Luật doanh nghiệp. Mặt khác, nếu Luật doanh nghiệp quy định một chương riêng về doanh nghiệp nhà nước sẽ vừa không bao quát được các hoạt động đầu tư, quản lý và giám sát đối với vốn đầu tư nhà nước trong doanh nghiệp, vừa có thể tạo sự bất bình đẳng với các doanh nghiệp khác.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng xét về hình thức thì có một chương riêng về doanh nghiệp nhà nước có vẻ không hợp lý; nhưng xét sâu về nội dung, một chương riêng về doanh nghiệp nhà nước như trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) không làm đảo lộn, mà trái lại cũng cố thêm vị trí và chức năng của Luật Doanh nghiệp trong điều kiện Việt Nam. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng chia sẻ với ý kiến đề xuất không nên thêm một chương về doanh nghiệp nhà nước.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị rằng toàn bộ nội dung chương VII về doanh nghiệp nhà nước đã quy định trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) phải được chuyển sang dự án Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp, nếu không bổ sung thêm một chương về doanh nghiệp nhà nước trong dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

Trên đây là giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi). Do điều kiện thời gian hạn chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề

ngợi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ đồng thời với việc thực hiện thủ tục thẩm định Dự án Luật. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có báo cáo tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định trước phiên họp của Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ;
- ĐTN, ĐKKD, QLKKT, PTĐN, QLKT,
- Lưu VT, QLKTTW.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Trung